

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH
Bản án số: 13/2025/DS-PT
Ngày: 28-02-2025
*Về việc: “Tranh chấp quyền
sử dụng đất”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Tùng – Ông Trần Khắc Hoàng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Hoàng Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: Bà Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28/02/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2024/TLPT-DS ngày 05/11/2024 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2024/DS-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2024/QĐXXPT-DS ngày 10/12/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông [Phạm Đình C](#), sinh năm: 1974; địa chỉ: [thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#). (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông [Phạm Đình L](#), sinh năm: 1972; địa chỉ: [thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#). (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông [Phạm Mạnh H](#), sinh năm: 1973; địa chỉ: [Tòa C T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội](#). (0936333700) (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà [Phan Thị K](#), sinh năm: 1981; địa chỉ: [thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#). (có mặt)

2. Bà [Cao Thị L1](#), sinh năm: 1973; địa chỉ: [thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#). (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Chị [Phạm Thị Thu H1](#), sinh năm: 1998; địa chỉ: [thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#). (có mặt)

3. Bà [Phạm Thị S](#), sinh năm: 1981; địa chỉ: [thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#). (có mặt)

4. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; người đại diện theo pháp luật: ông [Nguyễn Bình T](#) – Chủ tịch UBND. (vắng mặt)

5. Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; người đại diện theo pháp luật: ông [Nguyễn Đình A](#) – Chủ tịch UBND; người đại diện theo ủy quyền: ông [Phan Tô H2](#) – Công chức địa chính. (có mặt)

6. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất [chi nhánh H5 - Đ](#); người đại diện theo pháp luật: ông [Nguyễn H3](#) – Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: ông [Phan Thanh H4](#) – Cán bộ. (vắng mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn ông [Phạm Đình L](#) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Cao Thị L1](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại các phiên tòa, nguyên đơn ông [Phạm Đình C](#) có nội dung trình bày:

Ngày 01/12/1995, cha ruột của ông [C](#) là ông [Phạm Q](#) được nhà nước giao diện tích đất rừng 60 héc ta. Đến năm 2004, ông [Phạm Q](#) phân chia cho ông [C](#) một phần diện tích đất rừng là 169.939m². Đến ngày 09/11/2012, toàn bộ diện tích đất 169.939m² nói trên được Ủy ban nhân dân huyện [H](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 938972, tại thửa đất số 336, tờ bản đồ số 01, mang tên [Phạm Đình C](#) và [Phan Thị K](#), mục đích sử dụng để bảo vệ rừng tự nhiên và trồng rừng sản xuất. Đến khoảng năm 2023 thì bị gia đình ông [Phạm Đình L](#) lấn chiếm diện tích đất khoảng 1.500m² tại diện tích rừng sản xuất, cụ thể: phía Tây giáp đất rừng ông [Phạm Q](#) có chiều dài 140m, phía Bắc giáp đất rừng ông [Phạm Đình L](#) có chiều dài 150m, phía Nam giáp đất rừng của gia đình ông [C](#) đang sử dụng dài 100m, phía Đông giáp đất rừng của gia đình ông [C](#) đang sử dụng dài 150m, giá trị thửa đất đang tranh chấp khoảng 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông [C](#) yêu cầu ông [Phạm Đình L](#) phải bồi thường cho tôi 1000 cây keo, trị giá 3.000.000 đồng do ông [L](#) thả bò phá cây của tôi.

Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 09/7/2024 và ngày 12/7/2024, ông [Phạm Đình C](#) thay đổi nội dung khởi kiện như sau: Yêu cầu ông [Phạm Đình L](#) và bà [Cao Thị L1](#) trả lại cho gia đình ông [C](#) diện tích đất 3039,1m² (theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ) và yêu cầu ông [L](#) tháo dỡ các công trình trên đất như cột hàng rào, dây thép gai để trả lại mặt bằng cho gia đình ông công. Đồng thời tôi xin rút phần yêu cầu ông [Phạm Đình L](#) bồi thường 1000 cây keo, trị giá 3.000.000 đồng. Hiện nay diện tích đất tranh chấp không cho ai thuê, thế chấp, quản lý, canh tác, đầu tư tài sản trên đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị [Phạm Thị K1](#) có cùng nội dung trình bày với ông [Phạm Đình C](#).

Bị đơn ông [Phạm Đình L](#) và đại diện theo ủy quyền cho ông [Phạm Đình L](#) là ông [Phạm Mạnh H](#) trình: Đất rừng của gia đình ông [L](#) được Nhà nước cấp năm 2004 với diện tích 23,7 héc ta. Phía Bắc giáp đất rừng [L](#), được ngăn cách bởi đường chông rừng; phía Nam cũng giáp đất ông [Q](#) có ranh giới là khe; phía Đông giáp đất ông [C](#) được ngăn cách bằng con khe gọi là khe [Hô B](#); phía Tây giáp đất ông [Q](#) được ngăn cách bằng con khe gọi là khe Hô Su. Khi giao đất cho gia đình ông [L](#) có đầy đủ các thành phần gồm: UBND huyện [H](#), UBND xã [S](#) và các hộ liền kề đều ký vào biên bản giao đất ngoài thực địa. Sau khi được giao đất, gia đình ông [L](#) sử dụng đúng diện tích đất được cấp, không lấn chiếm đất của ông [C](#) và việc ông [C](#) buộc ông [L](#) phải bồi thường 1000 cây keo trồng mới trồng một năm

tuổi, trị giá 3.000.000 đồng thì ông L không nhất trí. Do đó, ông L đề nghị Toà án xử bác yêu cầu khởi kiện của ông C về hai nội dung khởi kiện trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Cao Thị L1, người đại diện theo ủy quyền chị Phạm Thị Thu H1 trình bày: Từ khi giao đất năm 2004 cho đến nay gia đình bà L1 và ông L không tranh chấp quyền sử dụng đất với hộ gia đình nào nói chung và gia đình ông Phạm Đình C nói riêng. Gia đình trông coi bảo vệ và trông rừng sản xuất trên thửa đất đúng với thực tế ranh giới, chỉ cận giáp ranh biên bản giao rừng ngoài thực địa năm 2010, ranh giới theo khe.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị S trình bày: Diện tích đất mà ông C và ông L đang tranh chấp trước đây là do bà S canh tác, bà S đã trồng keo trên diện tích đất đó được khoảng ba mùa, thời gian khoảng 15 năm. Từ khi bà S trồng cho đến lúa cuối cùng (năm 2023), bà S thu hoạch không ai có ý kiến gì, ông L chưa từng canh tác trên đất đó. Theo bà S, nguyên nhân xảy ra việc tranh chấp là do bố mẹ của bà S là ông Q và bà C1 lấy lại đất rừng từ gia đình ông L nên ông L cố tình không cho bà S canh tác, đồng thời tiến hành xây dựng chuồng bò, làm công, rào dây thép gai quanh khu đất không cho ai đi lại, dẫn đến tranh chấp giữa ông C và ông L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã S, người đại diện theo ủy quyền ông Phan Tô H2; chức danh: Công chức địa chính UBND xã S, tỉnh Hà Tĩnh trình bày: Nguồn gốc đất của ba gia đình hiện tại: Một phần của ông Phạm Q, một phần của ông Phạm Đình C và một phần của ông Phạm Đình L, là do UBND huyện H giao cho ông Phạm Q và bà Lê Thị C1 năm 1995, năm 2004 đo đạc bản đồ địa chính chia làm 03 thửa. Chia cho ông Phạm Q, ông Phạm Đình L và ông Phạm Đình C và đến năm 2010 xây dựng hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính lập 2004. Từ năm 2004 đến năm 2021 các hộ sử dụng chung, từ năm 2021 trở lại đây sử dụng theo giấy chứng nhận được giao, quá trình đó có nhiều mâu thuẫn tranh chấp, phần diện tích hiện nay đang tranh chấp giữa hai hộ, trước đây là chị Phạm Thị S sử dụng, năm 2023 đã cắt keo, trả lại đất cho ông Q, sau khi cắt keo xong ông C trồng keo lên phần đất đó thì xảy ra tranh chấp với ông L, xã đã hòa giải nhưng không thành. Về lý do thửa đất gia đình ông C và gia đình ông L đang tranh chấp lại nằm bên kia khe là vì xuất phát từ việc thửa đất của gia đình ông C, thửa đất của gia đình ông L và thửa đất của gia đình ông Q hiện đang sử dụng trước đây là một thửa tách ra, khi tách thành ba thửa cho ba hộ không thể theo lịch sử là theo khe hoặc theo đồng được, vì khi bàn giao đất thực địa diện tích đất gia đình anh C đang tranh chấp tuy là bên kia khe nước nhưng theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2004 và biên bản giao đất thực địa cho anh C thì diện tích đang tranh chấp giữa anh Phạm Đình C và anh Phạm Đình L đó chính là đất của anh Phạm Đình C nên đề nghị Toà án căn cứ vào hồ sơ giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng cho các hộ để xử lý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 10/9/2024, Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, khoản 1

Điều 158, Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 184, Điều 185, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 155, khoản 2 Điều 165, Điều 166, Điều 174, Điều 175 và Điều 176 Bộ luật dân sự; Điều 166, Điều 167, Điều 168, Điều 169 và Điều 170 Luật Đất đai Điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 6 Điều 19, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình C về việc buộc ông Phạm Đình L phải trả lại diện tích đất 3039,1m², được xác định từ điểm vị trí toạ độ: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14 và buộc ông Phạm Đình L phải tháo dỡ các công trình trên đất gồm 18 cột bê tông cốt thép vuông 15x15 cm và 03 dây thép gai làm hàng rào có chiều dài 113,55m. Theo sơ đồ thẩm định thửa đất ngày 10/6/2024 để trả lại mặt bằng cho gia đình ông Phạm Đình C. (có sơ đồ kèm theo).

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình C về việc yêu cầu ông Phạm Đình L phải bồi thường cho ông Phạm Đình C 1000 cây keo, trị giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/9/2024, bị đơn ông Phạm Đình L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị L1 kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các đương sự không thống nhất được toàn bộ nội dung tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự; phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đình C với bị đơn ông Phạm Đình L về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông [Phạm Đình L](#) vắng mặt tuy nhiên có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan [UBND huyện H](#) và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất [chi nhánh H5 - Đ](#) mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung*: Bị đơn ông [Phạm Đình L](#) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét, đánh giá toàn diện các vấn đề liên quan đến việc giải quyết tranh chấp của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh giữa ông [Phạm Đình C](#) với ông [Phạm Đình L](#).

[2.1] *Về thời hiệu khởi kiện*: Căn cứ Điều 155 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 184, 185 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, nội dung khởi kiện của nguyên đơn kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[2.2] *Về nội dung tranh chấp*:

- *Về nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông [Phạm Đình C](#) và ông [Phạm Đình L](#)*: Nguồn gốc thửa đất của gia đình ông [Phạm Đình C](#) và ông [Phạm Đình L](#) trước đây là thửa đất do ông [Phạm Q](#) được nhà nước giao ngày 01/12/1995 tại Quyết định số 74/SL. QĐ/UB với diện tích 60,0 ha. Sau đó ông [Q](#) thống nhất chia ba phần cho ông [C](#) một phần, ông [L](#) một phần, phần còn lại là của ông [Q](#) và bà [C1](#) sử dụng, cả ba thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cụ thể:

Thửa đất số 336, tờ bản đồ số 1, diện tích 169.939m², Giấy CNQSD đất số BL938972 cấp ngày 09/11/2012, mang tên ông [Phạm Đình C](#) và bà [Phan Thị K](#), địa chỉ thửa đất tại: [Xứ H, xóm L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#).

Thửa đất số 286, tờ bản đồ số 1, diện tích 235.286m², Giấy CNQSD đất số BL938973 cấp ngày 09/11/2012, mang tên ông [Phạm Đình L](#) và bà [Cao Thị L1](#) địa chỉ thửa đất tại: [Xứ H, xóm L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#).

- *Về hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông [Phạm Đình C](#), ông [Phạm Đình L](#) và hiện trạng diện tích đất tranh chấp*:

Đối chiếu hiện trạng sử dụng đất, kết quả của sơ đồ thẩm định ngày 10/6/2024 với GCNQSDĐ BL 938972 do [UBND huyện H](#) cấp ngày 01/11/2012 mang tên ông [Phạm Đình C](#) đồng sử dụng bà [Phan Thị K](#); diện tích đất mà gia đình ông [C](#) đang sử dụng ít hơn so với GCNQSDĐ phần diện tích là 17.739m².

Đối chiếu hiện trạng sử dụng đất, kết quả của sơ đồ thẩm định ngày 10/6/2024 với GCNQSDĐ BL938973 do [UBND huyện H](#) cấp ngày 09/4/ 2012 thửa đất mang tên ông [Phạm Đình L](#), bà [Cao Thị L1](#); diện tích đất mà gia đình ông [L](#) đang sử dụng nhiều hơn so với GCNQSDĐ phần diện tích là 12.084,2m².

Diện tích phần đất đang tranh chấp nằm giáp ranh giữa hai thửa đất của gia đình ông [C](#) và ông [L](#), có vị trí cụ thể như sau: Được xác định từ điểm vị trí tọa độ: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14, tổng diện tích là 3039,1m²; Trên diện tích đất này, ông [Phạm Đình L](#) đã chôn 18 cột bê tông cốt thép vuông 15x15 cm và giăng

03 giấy thép gai làm hàng rào ranh giới từ điểm vị trí toạ độ 2 đến 12 có chiều dài 113,55m (Theo sơ đồ thẩm định thửa đất ngày 10/6/2024)

Hai thửa đất của gia đình ông [C](#), ông [L](#) khi giao có biên bản giao đất thực địa, đơn đề nghị được giao đất, giao rừng, biên bản kiểm tra xác định nguồn gốc sử dụng đất, biểu thống kê đặc điểm lô rừng được giao, quyết định về việc giao đất, giao rừng, đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Từ cận giáp ranh các thửa đất đều được chủ sử dụng đất liền kề sử dụng ổn định từ khi cấp GCNQSDĐ, không có sự lấn chiếm hay thay đổi hiện trạng; quá trình đo đạc chỉnh lý theo bản đồ địa chính năm 2004, đo chỉnh lý theo trích lục và đo chỉnh lý khu đất bản đồ địa chính số thì các chủ sử dụng đất giáp ranh đều thừa nhận và đồng ý hiện trạng. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định được diện tích đất đang tranh chấp nằm ngoài diện tích đất mà gia đình ông [L](#) được cấp.

Theo ý kiến của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất [chi nhánh H5 - Đ](#), thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông [C](#), ông [L](#) được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào quá trình kiểm soát việc sử dụng đất đai trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật cũng như hồ sơ lưu trữ của địa phương, [UBND xã S](#), [huyện H](#), [tỉnh Hà Tĩnh](#) khẳng định phần đất tranh chấp thuộc phần diện tích đất rừng được cấp cho gia đình ông [Phạm Đình C](#) (phù hợp với lời khai của bà [Phạm Thị S](#) – là người có thời gian canh tác gần 15 năm trên phần đất tranh chấp).

Từ những phân tích nêu trên cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có đủ căn cứ để xác định phần đất tranh chấp thuộc phần diện tích đất mà gia đình ông [Phạm Đình C](#) được cấp, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông [Phạm Đình C](#).

[2.3] Về nội dung kháng cáo:

Ông [Phạm Đình L](#) và bà [Cao Thị L1](#) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì những căn cứ như sau:

- Bản án sơ thẩm đã bỏ qua, không đưa vào bản án toàn bộ căn cứ và phân tích của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

- Bản án sơ thẩm suy diễn, diễn giải biên bản giao rừng ngoài thực địa theo cách có lợi cho nguyên đơn.

- Bản án không tiến hành mời đơn vị có chuyên môn, có chức năng đo đạc để xác định diện tích tranh chấp; không kiểm tra thực địa; tự ấn định diện tích tranh chấp.

- Bản án sử dụng Biên bản hòa giải không thành có dấu hiệu vi phạm để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Bản án sử dụng lời trình bày mang tính hư cấu của bà [Phạm Thị S](#).

Qua nghiên cứu những nội dung kháng cáo của ông [Phạm Đình L](#) và bà [Cao Thị L1](#), Hội đồng xét xử xét thấy:

- Nội dung Bản án sơ thẩm đã nêu rõ phân trình bày, phần tranh luận và nhận định, xem xét đầy đủ nội dung tranh luận của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông [Phạm Mạnh H.](#)

- Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thu thập, xem xét, căn cứ đầy đủ và đánh giá khách quan các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: biên bản giao rừng ngoài thực địa; biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; các biên bản, đơn, tài liệu trong quá trình xin cấp GCNQSDĐ;... Ngoài nhận định tại đơn kháng cáo thì phía bị đơn không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc Hội đồng xét xử sơ thẩm đã suy diễn biên bản giao rừng ngoài thực địa theo cách có lợi cho nguyên đơn.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thành lập hội đồng định giá; mời cơ quan có chức năng đo đạc là [Văn phòng Đ chi nhánh H5 - Đ](#) theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, kiểm tra thực địa; cơ quan đo đạc đã tiến hành đo đạc và tính toán phần diện tích đất tranh chấp theo đúng quy định. Do đó, kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản trong quá trình giải quyết sơ thẩm là có căn cứ.

- Đối với biên bản hòa giải không thành không có chữ ký của ông [L](#), bà [L1](#); có chữ ký của các thành phần tham gia và có xác nhận của [UBND xã S](#); Hội đồng xét xử xét thấy đây là biên bản hợp thể hiện nội dung hợp tại [UBND xã S](#), có nhiều thành phần, biên bản có xác nhận của [UBND xã S](#). Đại diện [UBND xã S](#) khẳng định: biên bản được lập đúng quy định, do gia đình ông [L](#) tự ý bỏ về, không ký vào biên bản, sau đó các thành phần tham gia phiên họp đều chứng kiến và đóng dấu của [Ủy ban xã S](#) là hoàn toàn đảm bảo theo quy định. Do đó, lời trình bày của ông [L](#), bà [L1](#) về biên bản hợp này là không có căn cứ.

- Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy ý kiến của bà [Phạm Thị S](#) là hoàn toàn khách quan, phù hợp với hiện trạng sử dụng đất, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan [UBND xã S](#), [huyện H](#), [tỉnh Hà Tĩnh](#) trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông [L](#) không thừa nhận việc bà [S](#) canh tác mà cho rằng gia đình bị đơn canh tác, tuy nhiên phía bị đơn không đưa ra được các căn cứ để chứng minh cho ý kiến của mình.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy nội dung kháng cáo của ông [Phạm Đình L](#) và bà [Cao Thị L1](#) là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] *Về giá trị tài sản*: Theo Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá ngày 10/6/2024, tài sản và giá trị tài sản tranh chấp gồm có Quyền sử dụng đất tranh chấp trị giá 19.145.700 đồng, vật kiến trúc trị giá 6.358.800 đồng: Tổng cộng là 25.504.500 đồng.

[3]. *Về chi phí tố tụng*: Chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 3.378.226 đồng, chi phí cho việc định giá là 4.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền

chi phí tố tụng là 7.378.226 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ và tự nguyện chịu nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông [Phạm Đình L](#) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Cao Thị L1](#). Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 165; khoản 1 Điều 166; Điều 184; Điều 185; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 273; Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 155; khoản 2 Điều 165; Điều 166; Điều 174; Điều 175 và Điều 176 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 166; Điều 167; Điều 168; Điều 169 và Điều 170 [Luật Đất đai](#); điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 6 Điều 19, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông [Phạm Đình C](#) về việc buộc ông [Phạm Đình L](#) phải trả lại diện tích đất 3039,1m², được xác định từ điểm vị trí toạ độ: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14 và buộc ông [Phạm Đình L](#) phải tháo dỡ các công trình trên đất gồm 18 cột bê tông cốt thép vuông 15x15 cm và 03 dây thép gai làm hàng rào có chiều dài 113,55m. Theo sơ đồ thẩm định thửa đất ngày 10/6/2024 để trả lại mặt bằng cho gia đình ông [Phạm Đình C](#).

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông [Phạm Đình C](#) về việc yêu cầu ông [Phạm Đình L](#) phải bồi thường cho ông [Phạm Đình C](#) 1000 cây keo, trị giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông [Phạm Đình C](#) về việc tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

4. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông [Phạm Đình L](#) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Trả lại cho ông [Phạm Đình C](#) số

tiền 325.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0006521 ngày 15/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bị đơn ông Phạm Đình L phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002932 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hương Sơn).

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị L1 phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002933 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hương Sơn)

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Tòa án, THADS cấp sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Lệ Thu

